



NĂNG LỰC CHỌN NGHỀ CỦA HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

ThS. TRƯƠNG THỊ HOA

Trưởng Đại học Sư phạm Hà Nội

1. Đặt vấn đề

Năng lực là tổ hợp các thuộc tính tâm lí độc đáo của cá nhân; là sự huy động, vận dụng tri thức, kĩ năng, kinh nghiệm vào việc giải quyết có hiệu quả hoạt động nhất định trong các tình huống khác nhau. Trong nhà trường trung học phổ thông (THPT), một trong những hoạt động cơ bản của học sinh (HS) là định hướng nghề nghiệp cho tương lai. Mục tiêu của giáo dục hướng nghiệp (GDHN) ở THPT là nhằm giúp HS nhận thức và đánh giá được bản thân, hiểu về ngành nghề, từ đó chọn được nghề phù hợp với năng lực, tính cách, sở thích, hứng thú của bản thân và nhu cầu xã hội. GDHN trong nhà trường muốn đạt được hiệu quả cao đòi hỏi phải hình thành cho HS năng lực chọn nghề. Như vậy, muốn tìm hiểu năng lực chọn nghề của HS cần thông qua các tiêu chí như: Kiến thức, kĩ năng trong quá trình chọn nghề của HS.

2. Năng lực chọn nghề của học sinh trung học phổ thông

Chúng tôi sử dụng phối hợp nhiều phương pháp nghiên cứu, khảo sát học sinh ở 04 trường THPT thuộc khu vực nội thành và 04 trường thuộc khu vực ngoại thành với 3 khối lớp 10, 11 và 12. Mỗi khối lớp điều tra 2 lớp. Tổng số HS điều tra là 2131. Ngoài ra, chúng tôi điều tra 217 giáo viên.

Tiêu chí đánh giá: Mức cao nhất là 5 và mức thấp nhất là 1.

Kết quả thu được như sau:

2.1. Kiến thức cơ bản trong quá trình chọn nghề của HS

Theo đánh giá chung, kiến thức của HS liên quan đến sự lựa chọn nghề đạt mức trung bình ($\bar{DTB}=3,07$). Tuy nhiên, nếu xét riêng thì có những kiến thức HS đạt ở mức độ cao như: HS hiểu được ý nghĩa và tầm quan trọng của việc lựa chọn nghề nghiệp tương lai (thứ bậc 1; $\bar{DTB}=3,62$), ở nội dung này các em đã có sự hiểu biết ở mức độ cao, tức là phần lớn HS đều hiểu được ý nghĩa và tầm quan trọng của sự lựa chọn nghề nghiệp lại. Qua phỏng vấn, chúng tôi được biết: "Bố mẹ em đều làm nông nghiệp nên vất vả lắm vì vậy em cố gắng lựa chọn cho mình một nghề tốt hơn, có thu nhập ổn định hơn để sau này em cuộc sống của em sẽ đỡ vất vả hơn" (Trần Văn Đ, lớp 12, Trường THPT Vân Nội); "Nếu không lựa chọn được nghề thì sau này khó sống lắm ạ, phải đi làm vất vả thuê cho người này, người khác chỗ này, chỗ khác; chính vì vậy mà em sẽ chọn một nghề tử tế cho mình và kiếm được thật nhiều tiền" (Quách Xuân Ch, lớp 10, Trường THPT Trần Phú". So sánh sự hiểu biết về nội dung này thì ở khu vực nội thành và ngoại thành là tương đương nhau; Giữa các khối lớp có sự

Bảng 1: Kiến thức cơ bản trong quá trình chọn nghề của HS

STT	Nội dung	Khu vực nội thành		Khu vực ngoại thành		Khối lớp						Tổng	
						10		11		12			
		\bar{X}	TB	\bar{X}	TB	\bar{X}	TB	\bar{X}	TB	\bar{X}	TB	\bar{X}	TB
1	HS hiểu được ý nghĩa và tầm quan trọng của việc lựa chọn nghề nghiệp tương lai	3,61	1	3,62	1	3,51	1	3,54	1	3,79	1	3,62	1
2	HS biết được những tri thức về tình hình phát triển kinh tế của đất nước và địa phương	2,76	10	2,46	10	2,05	10	2,54	10	3,23	6	2,61	5
3	HS biết được những tri thức về thế giới nghề nghiệp	3,15	3	2,81	4	2,72	3	2,89	3	3,33	5	2,98	3
4	HS biết được những thông tin cơ bản thị trường lao động của xã hội, của địa phương	2,91	6	2,68	6	2,38	8	2,58	8	3,41	3	2,80	4
5	HS biết được những thông tin cơ bản về hệ thống trường đào tạo ở Việt Nam	3,32	2	3,32	2	3,04	2	3,39	2	3,52	2	3,32	2
Tổng		3,15		2,98		2,74		2,99		3,46		3,07	

khác nhau, khối 12 có sự hiểu biết cao hơn so với khối 11 và khối 10.

HS biết được những thông tin cơ bản về hệ thống trường đào tạo ở Việt Nam (thứ bậc 2; ĐTB=3,32). Với nội dung này, mức độ nhận thức của HS cũng chỉ ở mức trung bình. Hiểu biết về hệ thống trường đào tạo ở Việt Nam, HS không chỉ biết những trường đại học, trường cao đẳng nào mà ở đây HS cần phải biết trường đại học đó hàng năm lấy bao nhiêu chỉ tiêu, điểm chuẩn và những yêu cầu điều kiện đầu vào như thế nào; môi trường học tập của trường đó ra làm sao, những ưu đãi gì cho sinh viên khi học ở trường đó. Qua trò chuyện, chúng tôi được biết HS chỉ biết kể tên một số trường quen thuộc và điểm chuẩn của trường đó năm vừa qua, khi hỏi thêm những thông tin về trường hay yêu cầu của trường, những ưu việt của trường thì rất ít em trả lời được một cách đầy đủ.

HS nắm được tri thức về thế giới nghề nghiệp (thứ bậc 3; ĐTB=2,98). Những tri thức về thế giới nghề nghiệp đó chính là hệ thống các nghề, các nhóm nghề; các đặc điểm, tính chất của nghề; các yêu cầu về phẩm chất, năng lực, tính cách của nghề. Mặc dù sự hiểu biết của HS ở mức độ trung bình, nhưng khi trò chuyện với các em, chúng tôi có hỏi những đặc điểm của một vài nghề cụ thể thì các em trả lời được rất ít, câu trả lời chung chung. Ví dụ "Em cho cô biết công việc của một kĩ sư tin học?" HS trả lời: "Kĩ sư tin học là làm việc với máy tính, phải biết viết phần mềm, phải biết sửa chữa khi máy tính hỏng" (Nguyễn Việt Kh, lớp 12, Trường THPT Ngọc Tảo); hoặc "em chỉ biết kĩ sư tin học là thi khối A, phải giỏi toán thì sau này mới có thể làm được" (Nguyễn Trường G, lớp 11, trường THPT Cao Bá Quát). Như vậy, với những cách hiểu đơn giản cho chúng ta thấy HS cần phải bổ sung thêm nhiều kiến thức về ngành nghề, từ đó các em mới có cái nhìn sâu sắc hơn về công việc của mình sau này. Phần lớn trong nội dung này, HS chỉ kể được tên các ngành nghề mà không đưa ra được những đặc điểm cụ thể. HS khu vực nội thành đánh giá mức độ hiểu biết cao hơn so với HS khu vực ngoại thành nhưng không đáng kể. HS khối 12 có sự hiểu biết về vấn đề này cao hơn so với HS khối 11 và khối 10.

HS biết được những thông tin cơ bản về thị trường lao động của xã hội, của địa phương (thứ bậc 4; ĐTB=2,80). Những thông tin cơ bản về thị trường lao động tức là thông tin về những nghề đang thừa nhân lực, nghề đang thiếu nhân lực, và ở đâu thì thừa còn ở đâu thì thiếu, hàng năm thiếu bao nhiêu, nghề nào sẽ phát triển trong tương lai... Qua trò chuyện với HS để hiểu thêm về vấn đề này, chúng tôi có hỏi: Em có biết số lượng cụ thể nhân lực đang thừa hoặc đang thiếu của các nghề không? HS trả lời: "Em chỉ biết chung chung là các nghề liên quan đến kinh tế thì đang thừa nhân lực và những nghề liên quan đến nông

ngiệp đang thiếu, nhưng em không biết được nó thiếu bao nhiêu và ở vùng nào thừa nhiều nhất và thiếu nhiều nhất" (Đặng Thanh H, lớp 12, trường THPT Trần Phú). Hoặc "Em nghe thông tin trên chương trình tivi là có những ngành nghề thừa ở các thành phố lớn nhưng lại thiếu ở các vùng sâu vùng xa như giáo viên chẳng hạn, nhưng em không biết những con số cụ thể và cũng chẳng biết tìm những thông tin này ở đâu nữa" (Phan Thu T, lớp 12, Trường THPT Ngọc Tảo).

HS biết được những tri thức về tình hình phát triển kinh tế của đất nước và địa phương (thứ bậc 5; ĐTB=2,61). Những thông tin liên quan đến vấn đề này, HS biết rất ít và hầu như không biết vì khi được hỏi tình hình phát triển kinh tế của nước ta như thế nào, cần đào tạo nguồn nhân lực ra sao và số lượng bao nhiêu thì đa phần HS không trả lời được. Qua trao đổi với HS, các em đều cho rằng nội dung này không liên quan nhiều đến vấn đề chọn nghề, mặt khác nếu em nào có quan tâm thì cũng tìm được rất ít thông tin.

Như vậy, HS cần biết rất nhiều thông tin liên quan đến các ngành nghề như: Chính sách về nghề; thị trường nghề trong cả nước và ở địa phương; những nghề nào đang được đào tạo ở các trường cao đẳng, đại học; nghề nào đang thu hút sinh viên theo học; nghề nào có xu hướng phát triển trong tương lai. Nếu HS biết được một cách đầy đủ về những thông tin này thì đó là cơ sở để cho sự chọn nghề phù hợp.

So sánh mức độ đạt được kiến thức của HS khu vực nội thành và khu vực ngoại thành có sự khác nhau. Mặc dù đều đạt mức trung bình về kiến thức nhưng đánh giá của HS khu vực nội thành cao hơn so với HS khu vực ngoại thành (khu vực nội thành ĐTB = 3,15; khu vực ngoại thành ĐTB=2,98). Sở dĩ có sự đánh giá cao hơn này là do điều kiện của HS khu vực nội thành được tiếp xúc với các thông tin thuận lợi hơn so với HS khu vực ngoại thành. Các em HS khu vực ngoại thành đa phần ở nông thôn, gia đình bố mẹ các em hầu hết làm nông nghiệp nên điều kiện vật chất cũng như các điều kiện khác hạn chế hơn so với HS khu vực nội thành.

So sánh sự đánh giá của HS các khối cũng có sự khác nhau, HS khối lớp 12 đánh giá mức độ đạt được kiến thức của các em (ĐTB=3,46) cao hơn so với HS khối 11 (ĐTB=2,99) và khối 10 (ĐTB=2,74). Như vậy, HS lớp 12 không những tích cực học văn hóa mà các em cũng tích cực hơn trong việc bổ sung những kiến thức liên quan đến sự lựa chọn nghề của bản thân.

2.2. Kỹ năng chọn nghề của HS

Theo kết quả bảng 2, chúng ta thấy kỹ năng của HS đạt ở mức độ trung bình (ĐTB=2,75), thấp hơn so với mức độ đạt được kiến thức. Ở nội dung này, chúng tôi đề cập đến những kỹ năng nhận thức và đánh giá bản thân như đánh giá năng lực, tính cách của bản



thân, đánh giá sở thích, hứng thú về nghề và giá trị của bản thân so với những yêu cầu của nghề, và kỹ năng phân tích, so sánh, đối chiếu bản thân với yêu cầu, đặc điểm của nghề. Ngoài ra, trong kỹ năng chọn nghề phải kể đến kỹ năng tìm kiếm thông tin, kỹ năng phân tích và lựa chọn thông tin phù hợp. Cụ thể: Kỹ năng tìm kiếm thông tin tuyển sinh ở các trường đại học, cao đẳng (thứ bậc 1, ĐTB=2,96). Đánh giá và phân tích được sở thích, xu hướng nghề của bản thân (thứ bậc 2, ĐTB=2,91); đánh giá và phân tích được giá trị nghề của bản thân (thứ bậc 3, ĐTB=2,89); đánh giá và phân tích được năng lực của bản thân so với đặc điểm, yêu cầu của nghề (thứ bậc 4, ĐTB=2,85); đánh giá và phân tích được tính cách của bản thân so với đặc điểm, yêu cầu của nghề (thứ bậc 5, ĐTB=2,80).

Những kỹ năng được đánh giá ở mức độ thấp nhất đó là: Tìm được những thông tin về nhu cầu thị trường lao động, tình hình phát triển kinh tế của đất nước (thứ bậc 10; ĐTB=2,45); HS xác định được mục tiêu nghề nghiệp và lập được kế hoạch nghề nghiệp cho tương lai (thứ bậc 9, ĐTB=2,57); tìm được thông tin về nghề, yêu cầu, đặc điểm của nghề từ nhiều nguồn khác nhau (thứ bậc 8, ĐTB=2,64).

Như vậy, để HS có được những kỹ năng này, đòi hỏi phải có thời gian và các em phải được trực tiếp giải quyết những tình huống xảy ra trong quá trình chọn nghề. Mặt khác, muốn đánh giá được bản thân thì HS cần có những công cụ để hỗ trợ; HS phải tự mình khám phá bản thân thông qua các hoạt động khác, qua sự trao đổi với giáo viên và bạn bè để biết

Bảng 2: Kỹ năng của HS trong quá trình chọn nghề

STT	Nội dung	Khu vực nội thành		Khu vực ngoại thành		Khối lớp						Tổng	
						10		11		12			
		\bar{X}	TB	\bar{X}	TB	\bar{X}	TB	\bar{X}	TB	\bar{X}	TB	\bar{X}	TB
1	Đánh giá và phân tích được năng lực của bản thân	2,84	4	2,84	4	2,48	4	2,72	4	3,32	1	2,85	4
2	Đánh giá và phân tích được tính cách của bản thân	2,83	7	2,78	5	2,50	5	2,65	5	3,27	2	2,80	5
3	Đánh giá và phân tích được sở thích, xu hướng nghề của bản thân	2,94	2	2,88	1	2,68	2	2,91	2	3,13	4	2,91	2
4	Đánh giá và phân tích được giá trị nghề của bản thân	2,88	3	2,90	2	2,49	3	2,89	3	3,29	6	2,89	3
5	Phân tích, đối chiếu so sánh bản thân so với yêu cầu của nghề	2,85	6	2,62	6	2,33	7	2,59	6	3,27	3	2,74	6
6	HS xác định được mục tiêu và lập được kế hoạch thực hiện	2,57	9	2,58	7	2,14	10	2,53	9	3,04	9	2,57	9
7	Giải quyết được các mâu thuẫn, khó khăn của bản thân trong quá trình chọn nghề	2,86	5	2,52	9	2,34	6	2,57	7	3,16	5	2,69	7
8	Tìm được thông tin về nghề, yêu cầu, đặc điểm của nghề từ nhiều nguồn khác nhau	2,76	8	2,52	8	2,29	8	2,53	8	3,09	8	2,64	8
9	Tìm được những thông tin tuyển sinh ở các trường đại học, cao đẳng	3,07	1	2,85	3	2,73	1	3,04	1	3,11	7	2,96	1
10	Tìm được những thông tin về nhu cầu thị trường lao động, tình hình phát triển kinh tế của đất nước và địa phương	2,58	10	2,33	10	2,19	9	2,40	10	2,75	10	2,45	10
Tổng		2,82		2,68		2,42		2,68		3,14		2,75	

Bảng 3: Năng lực chọn nghề của HS THPT

STT	Nội dung	Khu vực nội thành		Khu vực ngoại thành		Khối lớp						Tổng	
						10		11		12			
		\bar{X}	TB	\bar{X}	TB	\bar{X}	TB	\bar{X}	TB	\bar{X}	TB	\bar{X}	TB
1	Kiến thức	3,15	1	2,98	1	2,74	1	2,99	1	3,46	1	3,07	1
2	Kĩ năng	2,82	2	2,68	2	2,42	2	2,68	2	3,14	2	2,75	2
Tổng		2,99		2,83		2,58		2,84		3,3		2,91	

mình là người như thế nào, mình phù hợp với nghề gì? Ngoài ra muốn hình thành được các kĩ năng này cần phải có những phương pháp, cách thức, quy trình cụ thể mới có thể hình thành được những kĩ năng đó. Tuy nhiên, mặc dù đánh giá thấp hơn so với các tiêu chí khác nhưng các kĩ năng này của HS cũng ở mức trung bình.

So sánh sự đánh giá của HS khu vực nội thành và HS khu vực ngoại thành thì có sự khác nhau, đánh giá của HS khu vực nội thành cao hơn so với HS khu vực ngoại thành (khu vực nội thành: ĐTB=2,82; khu vực ngoại thành: ĐTB=2,68). Theo kết quả thực trạng tham vấn nghề ở trên, HS khu vực nội thành chủ động và tích cực hơn so với HS khu vực ngoại thành; mặt khác, mức độ thực hiện các nội dung cũng như các con đường GDHN và tham vấn nghề của giáo viên khu vực nội thành cao hơn so với mức độ thực hiện của giáo viên khu vực ngoại thành. Do vậy, đây cũng là một trong những yếu tố dẫn đến kĩ năng của HS khu vực nội thành cao hơn so với HS khu vực ngoại thành.

So sánh giữa các khối lớp cũng có sự khác nhau và khối lớp 12 có những kĩ năng này cao hơn hẳn so với HS khối 11, HS khối 10. Sở dĩ có sự khác nhau như vậy bởi vì HS khối 12 sự nhận thức và đánh giá bản thân là điều quan trọng trong quá trình chọn nghề, là một trong những yếu tố đầu tiên của quá trình chọn nghề. Bên cạnh đó, việc thường xuyên phải tìm kiếm thông tin về nghề, bổ sung những hiểu biết của các em về những kiến thức liên quan đến chọn nghề là điều cần thiết, do vậy, kĩ năng của các em sẽ cao hơn và thành thạo hơn so với HS các khối khác.

2.3. Năng lực chọn nghề của HS THPT

Từ kết quả của bảng 1 và bảng 2, chúng tôi khái quát năng lực chọn nghề của HS như bảng 3.

Từ kết quả bảng trên, chúng ta thấy HS đạt được kiến thức, kĩ năng ở mức trung bình (ĐTB=2,91). Cụ thể: Kiến thức (thứ bậc 1, ĐTB=3,07); kĩ năng (thứ bậc 2, ĐTB=2,75). Như vậy, năng lực chọn nghề của HS THPT ở mức độ trung bình và điều này đã khẳng

định GDHN trong nhà trường hiện nay chưa đem lại hiệu quả.

3. Kết luận

GDHN trong nhà trường phổ thông hiện nay chưa phát huy được vai trò định hướng nghề cho HS. Do vậy, kiến thức, kĩ năng chọn nghề của HS THPT chỉ đạt ở mức độ trung bình. Kiến thức, kĩ năng chọn nghề của HS khu vực nội thành cao hơn so với HS khu vực ngoại thành. Kiến thức và kĩ năng chọn nghề của HS các khối cũng có sự khác nhau: Khối 12 có năng lực chọn nghề cao hơn so với HS khối 11 và khối 10. Vì vậy, chúng ta cần phải có những biện pháp phù hợp nhằm nâng cao năng lực chọn nghề cho HS, góp phần nâng cao hiệu quả GDHN trong nhà trường THPT trong giai đoạn hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đặng Danh Ánh (2010), *Giáo dục hướng nghiệp ở Việt Nam*, NXB Văn hóa Thông tin.
2. Chương trình giáo dục phổ thông ban hành theo Quyết định số 16/ 2006/QĐ-BGDĐT 5/5/2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.
3. Phùng Đình Mẫn (chủ biên) (2005), *Một số vấn đề cơ bản về hoạt động giáo dục hướng nghiệp ở trường trung học phổ thông*, NXB Giáo dục.
4. Phạm Tất Dong (2000), *Sự lựa chọn tương lai*, NXB Thanh Niên.
5. Phạm Tất Dong (chủ biên) (2012), *Tư vấn hướng nghiệp cho học sinh trung học cơ sở*, NXB Giáo dục Việt Nam.

SUMMARY

In order to gain effective vocational education, students should be prepared job-choice competence. Research findings showed that the current vocational education failed to promote its role in vocational direction to students. Thus, students' knowledge and job-choice skill is just at medium level. So, we should think about appropriate solutions in order to improve job-choice competence to students, making a great contribution to the effectiveness of vocational education at current high schools.